



wú biān

无边

z · without boundary

Example Sentences

dà hǎi liáo kuò wú biān ràng rén gǎn dào zì yóu
大海辽阔无边，让人感到自由。

The sea is vast and boundless, making people feel free.

dà hǎi kàn qǐ lái wú biān wú jì
大海看起来无边无际。

The sea looks boundless.

cǎo yuán wú biān wú jì niú yáng zài yōu xián dì chī cǎo
草原无边无际，牛羊在悠闲地吃草。

The grassland is vast and endless, with cattle and sheep grazing leisurely.

Trace each character, then write the word on your own.

无 无 无 无 无 无 无

边 边 边 边 边 边 边